

TỔNG NGUỒN TỈNH BỔ SUNG CÁC NHIỆM VỤ CHI NSNN**Đến ngày 30 tháng 11 năm 2024***(Kèm theo Báo cáo số #sov/BC-UBND ngày #nbh/12/2024 của UBND huyện Nam Giang)**Đvt: 1.000 đồng*

TT	Ngày/tháng/năm	Số QĐ	Nội dung	Số tiền
1	12/29/2023	2910	KP đầu tư thực hiện các Chương trình, Nghị quyết của HĐND tỉnh, cụ thể như sau:	140.071.118
2	25/01/2024	170	KP sự nghiệp ngân sách TW, NS tỉnh thực hiện CTMTQG PT KT-XH vùng đồng bào DTTS và MN	60.384.000
3	25/01/2024	174	Hỗ trợ sửa trong bữa ăn học đường cho trẻ em mẫu giáo, học sinh tiểu học theo NQ 17/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh	5.314.000
4	22/2/2024	379	Điều tra, rà soát, đo đạc theo KH 5899/KH-UBND ngày 9/10/2020 của UBND tỉnh	1.380.000
5	7/3/2024	491	BSKP triển khai CTMTQG xây dựng NTM	1.025.000
6	25/3/24	654	KP sự nghiệp ngân sách tỉnh thực hiện CTMTQG giảm nghèo (Đ1) (NS TW 35,560 tỷ, NS tỉnh 3,736 tỷ đồng)	39.296.000
7	25/3/24	650	BSKP thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo NĐ 29/2023/NĐ-CP ngày 3/6/23 đợt I	336.206
8	28/3/24	698	Hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát theo NQ 13/2023/NQ-HĐND ngày 22/9/2023 của HĐND tỉnh	870.000
9	5/4/24	824	KP sự nghiệp thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững	134.820
10	4/16/2024	936	KP sự nghiệp NSTW thực hiện Chương trình MTQG XD NTM	305.000
11	4/24/2024	1011	Phân bổ kế hoạch vốn ngân sách tỉnh cho dự án sắp xếp dân cư khu vực đường Trường Sơn Đông	10.800.000
12	5/23/2024	1241	KP thực hiện CT MTQG xây dựng NTM (Nguồn TW 1,44 tỷ đồng, nguồn tỉnh 1,369 tỷ đồng)	2.809.000
13	6/6/2024	1357	KP thực hiện CT MT giảm nghèo bền vững (NS TW 79,032 triệu đồng, NS tỉnh 8,298 triệu đồng)	87.330
14	7/12/2024	1682	Phê duyệt quyết toán và bổ sung kinh phí thẻ BHYT cho các đối tượng ngoài pháp lệnh NCC	28.966
15	8/15/2024	1919	Kinh phí BHXH NĐ 20: 410 tr, KP nhà tạm nhà dột nát NQ 13: 01 tỷ, KP chuyển đổi số NQ 33: 01 tỷ	2.410.000

TT	Ngày/tháng/năm	Số QĐ	Nội dung	Số tiền
16	8/27/2024	2010	KP sự nghiệp thực hiện CTMTQG sau điều chỉnh dự toán theo khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 14/8/2024 của HĐND tỉnh - Chương trình Giảm nghèo bền vững (TW: 14.453,231674 triệu đồng, tỉnh: 1.517,589326 triệu đồng)	15.970.821
17	2/19/2024	347	Phân bổ nguồn KP ngân sách trung ương thưởng vượt thu để thực hiện chế độ bảo trợ xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP	1.269.000
18	10/14/2024	2411	Bổ sung KP thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP ngày 01/7/2024 của Chính phủ	1.181.000
19	8/16/2024	1929	BSKP thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo NĐ 29/2023/NĐ-CP ngày 3/6/23 đợt II	1.421.917
20	10/18/2024	2472	BSKP xóa nhà tạm, nhà ở dột nát theo NQ số 13/2023/NQ-HĐND	8.000.000
21	10/9/2024	2370	Điều chỉnh giảm hỗ trợ thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến tiết kiệm nước còn thừa giải ngân không hết tỉnh BS tại QĐ 2910 ngày 29/12/2023	-253.380
Tổng cộng				292.840.798